

Số: 15/2022/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định cơ cấu tổ chức, chế độ, chính sách và các điều kiện
đảm bảo cho công an xã, thị trấn bán chuyên trách, bảo vệ dân phố,
tổ dân phòng tự quản; mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó
Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa
đổi bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ Pháp lệnh số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21 tháng 11 năm 2008
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Công an xã;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc
hội (khóa XIV) về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính
sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính
phủ về Bảo vệ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;*

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 579/-KL/TU ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thay thế Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND;

Xét Tờ trình số 537/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thay thế Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND “Quy định cơ cấu tổ chức, chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho công an xã, thị trấn bán chuyên trách, bảo vệ dân phố, tổ dân phòng tự quản; mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”, báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cơ cấu tổ chức, chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho Công an xã, thị trấn bán chuyên trách (sau đây gọi chung là Công an xã bán chuyên trách), Bảo vệ dân phố và Tổ dân phòng tự quản khu dân cư; mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

1. Đối với Công an xã bán chuyên trách tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở

a) Số lượng, chức danh:

Mỗi xã, thị trấn được bố trí Công an viên làm nhiệm vụ thường trực và Công an viên phụ trách thôn, khu phố, cụ thể:

- Mỗi xã, thị trấn bố trí không quá 03 Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ hàng ngày tại trụ sở của Công an xã, thị trấn.

- Mỗi thôn, khu phố được bố trí 01 Công an viên phụ trách. Đối với các thôn, khu phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 công an viên phụ trách.

b) Phụ cấp, Bảo hiểm và giải quyết chế độ, chính sách thôi việc đối với Công an xã bán chuyên trách:

- Phụ cấp:

+ Công an viên làm nhiệm vụ thường trực được hưởng phụ cấp hệ số 1,58 mức lương cơ sở.

+ Công an viên phụ trách thôn, khu phố được hưởng phụ cấp hệ số 1,38 mức lương cơ sở.

- Bảo hiểm:

+ Hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho Công an xã bán chuyên trách. Số tiền hỗ trợ bằng 85% số tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ áp dụng cho từng thời kỳ (số tiền hỗ trợ trên đã bao gồm số tiền hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2021 - 2025).

+ Hỗ trợ 100% số tiền đóng bảo hiểm y tế cho Công an xã bán chuyên trách.

- Giải quyết chế độ, chính sách thôi việc đối với Công an xã bán chuyên trách:

Đối với Công an viên có thời gian công tác 15 năm liên tục trở lên, khi nghỉ việc có lý do chính đáng thì được hưởng chế độ chi trả trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng tiền phụ cấp bình quân của 5 năm cuối (60 tháng) trước thời điểm nghỉ việc.

c) Trang phục và các chế độ, chính sách khác

- Trang phục: Theo Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này.

- Chế độ, chính sách khác được hưởng theo các quy định hiện hành.

2. Đối với Bảo vệ dân phố

a) Số lượng, chức danh

Mỗi phường được thành lập 01 Ban Bảo vệ dân phố, gồm: 01 Trưởng Ban bảo vệ dân phố, 01 Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố; mỗi khu phố gồm 01 tổ trưởng và từ 4 - 6 thành viên, cụ thể:

- Khu phố loại 1: Bố trí tối đa không quá 6 người.

- Khu phố loại 2: Bố trí tối đa không quá 5 người.

- Khu phố loại 3: Bố trí tối đa không quá 4 người.

b) Chế độ phụ cấp, bồi dưỡng, bảo hiểm

- Chế độ phụ cấp, bồi dưỡng:

+ Trưởng ban Bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp như sau: Đối với phường loại 1 được hưởng phụ cấp hệ số 1,5 mức lương cơ sở; phường loại 2 được hưởng phụ cấp hệ số 1,3 mức lương cơ sở; phường loại 3 được hưởng phụ cấp hệ số 1,2 mức lương cơ sở.

+ Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hệ số 1,1 mức lương cơ sở.

+ Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố được hưởng bồi dưỡng hàng tháng bằng 1.490.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được hưởng bồi dưỡng hàng tháng bằng 1.341.000 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

- Bảo hiểm: Hỗ trợ 100% tiền đóng bảo hiểm y tế cho Bảo vệ dân phố.

c) Trang phục và các chế độ chính sách khác

- Trang phục: Theo Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này.

- Chế độ chính sách khác được hưởng theo các quy định hiện hành.

3. Đối với Tổ dân phòng tự quản khu dân cư

a) Số lượng, chức danh:

Đối với xã, thị trấn: Mỗi thôn, khu phố thành lập 01 Tổ dân phòng tự quản từ 03 đến 05 người (trừ Công an viên phụ trách thôn, khu phố) gồm: Tổ trưởng và các tổ viên. Tổ trưởng do Công an viên phụ trách thôn, khu phố làm tổ trưởng.

- Thôn, khu phố phức tạp về an ninh trật tự, loại 1 và loại 2: Được bố trí 05 người.

- Thôn, khu phố loại 3: Được bố trí 03 người.

b) Chế độ bồi dưỡng, bảo hiểm:

- Chế độ bồi dưỡng: Tổ viên Tổ dân phòng tự quản được hưởng bồi dưỡng hàng tháng bằng 1.043.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Riêng các ngày lễ, ngày tết và các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; thu hồi vũ khí vật liệu nổ; giữ gìn trật tự an toàn giao thông... theo kế hoạch của cấp trên. Chủ tịch UBND xã, thị trấn căn cứ vào tình hình cụ thể chỉ đạo lực lượng tuần tra, kiểm soát 24/24 giờ, có sự phối hợp với các lực lượng khác thì được chi bồi dưỡng bằng 01 ngày lương tối thiểu/người/ngày nhưng chỉ không quá 10 lượt người/15 ngày/năm.

- Bảo hiểm:

+ Tổ viên Tổ dân phòng tự quản được hỗ trợ 100% tiền mua bảo hiểm thân thể, mức tối đa không quá 280.000 đồng/1 năm.

+ Tổ viên Tổ dân phòng tự quản trong khi đi làm nhiệm vụ nếu bị thương hoặc hy sinh thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Các điều kiện đảm bảo

- Trang phục: Theo Phụ lục số 03 kèm theo Nghị quyết này.

- Chế độ, chính sách khác được hưởng theo các quy định hiện hành.

4. Đối với Đội dân phòng

a) Bố trí Công an xã bán chuyên trách, Tổ trưởng tổ dân phòng tự quản, Trưởng ban, Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố, Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố kiêm nhiệm chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một chế độ cao nhất của các chức danh.

b) Đối với Đội trưởng, đội phó dân phòng

- Người giữ chức danh Đội trưởng đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng bằng mức 20% lương tối thiểu vùng/người/tháng.

- Người giữ chức danh Đội phó đội dân phòng tại các thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng bằng mức 15% lương tối thiểu vùng/người/tháng.

5. Nguồn kinh phí: Do ngân sách địa phương cấp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định cơ cấu tổ chức, chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho Công an xã, thị trấn bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Tổ dân phòng tự quản khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- Lưu: VT, VP: LĐVP, phòng CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

PHỤ LỤC SỐ 01
Trang phục cho lực lượng Công an xã bán chuyên trách
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND
ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên trang phục	Đơn vị	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm	cái	1	2
2	Mũ cứng	cái	1	3
3	Mũ bảo hiểm	cái	1	5
4	Quần, áo thu đông	bộ	1	2
5	Áo sơ mi	cái	2	2
6	Quần, áo xuân hè	bộ	1	1
7	Dây lưng nhỏ	cái	1	3
8	Giày da	bộ	1	2
9	Bít tất	bộ	2	1
10	Áo ấm	cái	1	3
11	Ca ra vát	cái	1	2
12	Quần, áo đi mưa	bộ	1	3

PHỤ LỤC SỐ 02

Trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho Bảo vệ dân phố
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND
ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Trang phục cho Bảo vệ dân phố

STT	Tên trang phục	Đơn vị	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Quần áo thu đông	bộ	1	2
2	Quần áo xuân hè	bộ	1	2
3	Mũ mềm	cái	1	2
4	Giày da	bộ	1	2
5	Bít tất	đôi	2	2
6	Dây lưng	Cái	1	3
7	Quần áo mưa	bộ	1	3

2. Phương tiện, công cụ hỗ trợ

STT	Tên phương tiện, CCHT	Đơn vị	Số lượng/tổ	Niên hạn (năm)
1	Gậy cao su	chiếc	3	5
2	Còi	chiếc	2	3
3	Đèn pin	chiếc	3	2



PHỤ LỤC SỐ 03

Trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho Tổ dân phòng tự quản

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND

ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Trang phục cho Tổ dân phòng tự quản

STT	Tên trang phục	Đơn vị	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Mũ bảo hiểm tuần tra	cái	1	5
2	Áo đi mưa	cái	1	3
3	Ủng cao su	đôi	1	1
4	Băng tổ viên	chiếc	1	2

2. Phương tiện, công cụ hỗ trợ

STT	Tên trang phục	Đơn vị	Số lượng/tổ	Niên hạn (năm)
1	Gậy cao su	chiếc	3	5
2	Còi	chiếc	2	3
3	Đèn pin	chiếc	3	2